

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 09 - 01 - 2025

V/v: “T/C hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Phục;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện hợp pháp:

1. Nguyễn Thị H, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng xử lý nợ; là người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng;

2. Nguyễn Hòa H1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số C Đại lộ H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng.

- Bị đơn: 1. Võ Thị N, sinh năm 1968

2. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 trình bày:

Các bị đơn là bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 có vay Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền là 20.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số: 020071 ngày 20 tháng 9 năm 2010; lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 24 tháng; mục đích cho vay: Tiêu dùng; phương thức cho vay: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng 833.340 đồng.

Quá trình vay nợ, các bị đơn đã trả nợ với số tiền là 24.572.599 đồng, bao gồm: 19.053.480 đồng nợ gốc, 4.819.897 đồng nợ lãi trong hạn, 564.335 đồng nợ lãi quá hạn và 134.887 đồng phạt lãi chậm trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, các bị đơn còn nợ gốc là 946.520 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.417 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.456.056 đồng, nợ phạt lãi chậm trả là 59.788 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 4.475.781 đồng, trong đó: Nợ gốc là 946.520 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.417 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.456.056 đồng, nợ phạt lãi chậm trả là 59.788 đồng.

- Các bị đơn là bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng số: 020071 ngày 20 tháng 9 năm 2011, thể hiện việc thỏa thuận vay tiền với các thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều

lần, nhưng không có mặt để đưa ra ý kiến phản đối hay thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3.2] Xét nội dung hợp đồng tín dụng số: 020071 ngày 20 tháng 9 năm 2011, được ký kết giữa nguyên đơn và các bị đơn, thỏa thuận thời hạn thanh toán là thời hạn vay là 24 tháng với phương thức trả dần hàng tháng. Tuy nhiên, đến nay khoản vay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng các bị đơn chưa thanh toán đầy đủ nợ gốc là lãi suất phát sinh là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ.

[3.3] Nội dung hợp đồng tín dụng số: 020071 ngày 20 tháng 9 năm 2011 thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền là 4.475.781 đồng, trong đó: Nợ gốc là 946.520 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.417 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.456.056 đồng, nợ phạt lãi chậm trả là 59.788 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn là bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 đại diện) số tiền là 4.475.781 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 946.520

đồng, nợ lãi trong hạn là 13.417 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.456.056 đồng, nợ phạt lãi chậm trả là 59.788 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 phải chịu 224.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hòa H1 đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007357 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng